

Bản án số: **04/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/02/2022

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Tiến

Bà Đoàn Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham
gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/02/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh
Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số:
508/2021/TLST-HNGĐ, ngày 4 tháng 11 năm 2021, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Như H, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 424/1/17 đường Trần Khánh D, phường An Hòa, thành phố
Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị H: Luật sư Hoàng Kim Quốc,
thuộc văn phòng luật sư Hoàng Kim Quốc – Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

2/ Bị đơn: Anh Phạm Nhã T, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 496 đường Phạm Hùng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá,
tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 7/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đỗ Thị Như H trình bày: Tôi và anh T tự quen biết, hai bên tìm hiểu nhau tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 3 năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được UBND phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2017. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh T được khoảng 01 năm thì vợ chồng chuyển về sinh sống tại nhà riêng số 37/8 đường Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến khi mâu thuẫn tôi về nhà mẹ ruột ở từ năm 2019 cho đến nay.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T bỏ bê công việc không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình; mặt khác vợ chồng còn mâu thuẫn về tình cảm gia đình và thường xuyên cự cãi; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2019. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi làm đơn xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị H xác định có 01 người con chung tên Phạm Thiên Phúc, sinh ngày 29/10/2018, hiện con đang sống với tôi. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Nhã T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phạm Nhã T theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng anh T không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H, luật sư Hoàng Kim Quốc có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T. Về con chung có 01 người con tên Phạm Thiên Phúc hiện nay chị H đang nuôi dưỡng. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm đến thời điểm này về cơ bản Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý ngày 04/11/2020 nhưng đến ngày 29/12/2021 mới ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Phạm Nhã T đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ quy định các Điều 51, 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, việc chị H cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Cháu Phạm Thiên Phúc vẫn do chị H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị H để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu. Về vấn đề cấp dưỡng cũng như nợ chung, tài sản chung, chị H không yêu cầu xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Như H khởi kiện yêu cầu “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với anh Phạm Nhã T. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Phạm Nhã T vẫn vắng mặt không rõ lý do và chị H đồng ý xét xử vắng mặt anh T. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án nhận thấy do tình hình dịch bệnh kéo dài và vụ án cần có thời gian điều tra, xác minh nên kéo dài thời gian, vi phạm thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự quen biết nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết theo quy định pháp luật và

được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh T không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T bỏ bê công việc không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình; mặt khác vợ chồng còn mâu thuẫn về tình cảm gia đình và thường xuyên cự cãi, vợ chồng có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ năm 2019. Trong thời gian chị H, anh T sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Đỗ Thị Như H xác định có 01 người con chung tên Phạm Thiên Phúc, sinh ngày 29/10/2018, hiện con đang sống chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao người con chung tên Phạm Thiên Phúc cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Anh Phạm Nhã T không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh T có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về quan điểm giải quyết vụ án.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Như H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Như H được ly hôn với anh Phạm Nhã T.

2. Về con chung: Giao người con chung tên Phạm Thiên Phúc, sinh ngày 29/10/2018 cho chị Đỗ Thị Như H chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Nhã T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Đỗ Thị Như H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị H được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008874 ngày 08/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẠCH SÔ PHÉP

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Điền đối với chị Anh; anh Điền cho rằng vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cách sống hàng ngày, tính tình đôi bên không phù hợp từ cách suy nghĩ, làm ăn, công việc, nuôi dạy và chăm sóc các con, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2016. Hơn nữa, từ thời điểm sống ly thân đến nay anh Điền và chị Anh có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả và mỗi người sống một nơi. Từ đó, cho thấy anh Điền không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc chị Anh. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Điền và chị Anh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Điền đối với chị Anh là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Xét yêu cầu của chị Anh xin được hàn gắn đoàn tụ vì chị Anh còn thương anh Điền. Chị Anh cho rằng vợ chồng có cự cãi vài lần nhưng không nghiêm trọng và chị Anh cũng xác định từ năm 2018 thì vợ chồng có mâu thuẫn do buôn bán gặp nhiều khó khăn, anh Điền kiếm chuyện, cãi vã và đến năm 2019 anh Điền dọn ra nhà tập thể sống và cấm không cho chị Anh qua lại và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Sau khi thụ lý Tòa án đã động viên để vợ chồng về hàn gắn đoàn tụ nhưng đến nay anh Điền và chị Anh vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai và tại phiên tòa anh Điền cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với chị Anh. Từ đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Anh.